

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai
đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình xoá mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

Xét Tờ trình số 462/TTr-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hằng năm: Thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Chi công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục: Thực hiện theo *Phụ lục II* ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Những nội dung chi, mức chi có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định được dẫn chiếu tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án theo nhiệm vụ được giao cho cơ quan đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối của địa phương.

2. Nguồn kinh phí huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu của Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 4 năm 2024. *awr*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, GDĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



Trần Hải Châu

Phụ lục I
CHI TỔ CHỨC TUẦN LỄ HƯỞNG ỨNG HỌC TẬP SUỐT ĐỜI HÀNG NĂM
 (Kèm theo Nghị quyết số 69 /2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 03 năm 2024 của
 HĐND tỉnh Quảng Bình)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (vnđ)	Ghi chú
1	Tại cấp tỉnh			
	Chi khánh tiết	Lần/năm	3.400.000	01 lần/năm
	Sách tặng các đơn vị cấp huyện trong Lễ Khai mạc	Thùng/đơn vị	3.500.000	
	Quà tặng người học có thành tích xuất sắc	Suất	500.000	
	Ban chỉ đạo	Người/ngày	200.000	
	Tổ giúp việc	Người/ngày	150.000	
2	Tại cấp huyện			
	Chi khánh tiết	Lần/năm	45.000.000	01 lần/năm
	Sách tặng đơn vị cấp xã trong Lễ Khai mạc	Thùng/đơn vị	2.000.000	
	Quà tặng người học có thành tích xuất sắc	Suất	500.000	
	Ban chỉ đạo	Người/ngày	150.000	
	Tổ giúp việc	Người/ngày	100.000	
3	Tại cấp xã			
	Chi khánh tiết	Lần/năm	5.500.000	01 lần/năm
	Sách tặng các cơ sở giáo dục trong Lễ Khai mạc	Thùng/đơn vị	1.000.000	
	Quà tặng người học có thành tích xuất sắc	Suất	500.000	
	Ban chỉ đạo	Người/ngày	100.000	
	Tổ giúp việc	Người/ngày	50.000	

Quang

Phụ lục II
CHI CÔNG TÁC XÓA MÙ CHỮ VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC
 (Kèm theo Nghị quyết số 69 /2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 03 năm 2024
 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (vnd)	Ghi chú
1	Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê xóa mù chữ và phổ cập giáo dục cấp xã	Xã/năm	4.000.000	
2	Hỗ trợ thực hiện điều tra thống kê phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Ngày/người	200.000	
3	In phiếu điều tra thống kê phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Phiếu	500	
4	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác điều tra thống kê xóa mù chữ và phổ cập giáo dục	Người/đợt điều tra	150.000	Mỗi năm điều tra 01 đợt
5	Hỗ trợ thấp sáng ban đêm cho các lớp học xóa mù chữ ban đêm	Buổi/lớp	10.000	
6	Hỗ trợ mua sổ sách theo dõi quá trình học tập mỗi lớp học:			
	- Học bạ học viên	Cuốn	15.000	
	- Sổ tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục	Cuốn	20.000	
	- Sổ chủ nhiệm	Cuốn	10.000	
7	Mua sách giáo khoa dùng chung và các học phẩm cho lớp học	Lớp/kỳ học	1.000.000	
8	Hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp học xóa mù chữ	01 đối tượng đến lớp và hoàn thành chương trình học	120.000	
9	Hỗ trợ cho người dân (không phải là người dân tộc thiểu số) tham gia học và hoàn thành chương trình học xóa mù chữ	Người	1.000.000	
10	Hỗ trợ tiền nước uống, sinh hoạt	Người/giai đoạn	100.000	

Kieu